TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Anh

2. Ông Cao Đình Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Vinh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST–HNGĐ ngày 29/03/2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị K, sinh năm 1977.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà K có mặt, ông B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị K:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông B kết hôn năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà quen biết ông B do mai mối, sau đó bà hoàn toàn tự nguyện kết hôn với ông B, bà với ông B có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới 02 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông B không yêu thương, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng chung sống với nhau nhưng ông B nắm giữ tiền bạc. Vợ chồng bà

đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay, ông B ở nhà của bố mẹ chồng còn bà và các con ra thuê nhà trọ ở xã L sinh sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà không thể hòa giải đoàn tụ với ông B được. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn B.

- *Về con chung:* Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/10/2001 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 04/8/2008. Hiện nay con đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi các con chung đến ngày thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Bà yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung tên Phương D theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng bà không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng bà không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng không đến, ông Nguyễn Văn B không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông B và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông B được biết. Do ông B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị K, xử cho bà K với ông B được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao hai con chung cho bà K nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Lâm Thị K với bị đơn ông Nguyễn Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Kộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị K với ông Nguyễn Văn B là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống theo bà K thì thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B không chăm lo cho vợ con và gia đình, ông B nắm giữ tiền bạc, ngoài ra ông B còn bài bạc, số đề, bà cũng đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông B vẫn không thay đổi. Bà với ông B đã sống ly thân từ tháng 01/2018, ông B ở nhà của bố mẹ chồng, còn bà và các con thuê nhà trọ ở xã L sinh sống. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà yêu cầu ly hôn với ông B. Còn ông B không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân với bà K. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà K với ông B đã có sự mâu Kẫn trầm trọng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B không đến, không quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà K nên quan hệ hôn nhân của bà K với ông B là không thể hàn gắn, bà K với ông B đã sống ly thân từ tháng 01/2018, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà K về việc ly hôn với ông B theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- *Về con chung:* Bà K với ông B có 02 con chung tên Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/10/2001 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 04/8/2008. Hiện nay các con đang sống với bà K, bà K yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến ngày các con thành niên. Xét thấy, các con chung đang có cuộc sống ổn định với bà K, đồng thời cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, ông B không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống, học tập ổn định cũng như điều kiện để các cháu phát triển về mọi mặt nên giao các cháu Nguyễn Văn K và Nguyễn Phương D cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng:* Tại phiên tòa, bà K yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung tên Phương D 2.000.000 đồng/tháng, cấp hưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018 đến ngày con chung thành niên. Xét thấy, bà K trực tiếp nuôi 02 con chung nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi 01 con chung tên Phương D

2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Do đó, buộc ông B cấp dưỡng nuôi con chung tên Phương D 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2018 đến ngày con chung thành niên.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà K và ông B tự thỏa K về tài sản chung, bà K không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Bà K và ông B không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3] Về án phí:

Buộc bà K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình về việc ly hôn, ông B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức K, miễn, giảm, K, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị K, xử cho bà Lâm Thị K với ông Nguyễn Văn B ly hôn.

- *Về con chung:* Giao các con chung Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/10/2001 và Nguyễn Phương D, sinh ngày 04/8/2008 cho bà Lâm Thị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng:* Buộc ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phương D, sinh ngày 04/8/2008 số tiền 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí:* Bà Lâm Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện ly hôn, bà K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai K số AA/2015/0007413 ngày 29/3/2018 được chuyển thu. Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bà K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa K thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phượng Diễm